TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-PT
Ngày 25 - 4 - 2019
"V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Duy Giá.

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/3 và 25/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2019/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc "tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Tr, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; trú tại: Thôn Tr, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2018 và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 1998, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị đã làm đơn ly hôn anh T gửi đến Tòa án huyện L và tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 24/2012/QĐST-

HNGĐ ngày 19/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện L đã giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Thời điểm ly hôn, chị và anh T tự thỏa thuận về tài sản và công nợ không đề nghị Tòa án giải quyết. Về con chung, anh T và chị thỏa thuận anh T nuôi con chung là cháu Nguyễn Bích A, sinh ngày 08/3/2003. Sau đó chị và anh T tự thỏa thuận là chị đồng ý để cho anh T sử dụng nhà và đất trên Hà Giang và anh T phải nuôi con chu đáo. Tuy nhiên sau đó, anh T không thực hiện đúng thỏa thuận, anh T không nuôi con, đối xử với cháu không tốt nên từ năm 2014 cháu đã về ở với chị. Nay chị làm đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung giữa chị và anh T.

Về tài sản chung: Trong thời gian chị và anh T chung sống có tạo lập đươc những tài sản chung như sau: 01 thửa đất số 26, tờ bản đồ 03, diện tích thực tế là 5.250,1m^2, (gồm 400m^2 đất ở và 4850,1m^2 đất vườn) mang tên Nguyễn Văn T. Nay chị đề nghị chia đôi thửa đất này.

Về tài sản riêng: Chị có 01 thửa đất số 27, tờ bản đồ 03 diện tích 3554,5m^2 (gồm có 400m^2 đất ở và 3154m^2 đất vườn) mang tên Hoàng Thị Đ tại thôn X, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Thửa này là do chị trực tiếp mua của bà Đ năm 2001 với giá 5.500.000 đồng. Thời điểm mua anh T đang đi bộ đội, nên tiền mua đất là của chị. Hiện nay anh T đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ mang tên bà Đ. Vì vậy chị đề nghị anh T trả lại cho chị giấy tờ của thửa đất để chị sử dụng.

Trong biên bản ghi lời khai ngày 26/6/2018 và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh xác định thời gian kết hôn, thời gian ly hôn như chị Y trình bày là đúng. Về con chung thời điểm anh và chị Y ly hôn cháu A muốn về ở với anh, anh nuôi dưỡng cháu học đến lớp 6 sau đó chị Y đón cháu về nuôi, không cho cháu học hành tử tế.

Về tài sản: Anh xác định như chị Y trình bày là đúng, nhưng chỉ có thửa đất số 26, tờ bản đồ 03, diện tích 5.680m^2 (gồm 400m^2 đất ở và 5.280m^2 đất vườn) mang tên anh là tài sản chung của anh và chị Y. Còn đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ 03 diện tích 3.404m^2 (gồm 400m2 đất ở và 3.104m^2 đất vườn) mang tên Hoàng Thị Đ là tài sản của riêng anh. Bởi vì năm 2002 anh có đứng tên mua hộ ông Đặng Văn P ở thôn X, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang của bà Hoàng Thị Đ trị giá 3.000.000 đồng. Tiền mua đất là của ông P đưa cho anh đi mua hộ và anh là người trực tiếp trả tiền cho vợ chồng bà Đ. Năm 2012 ông P có tranh chấp về thửa đất này với chị Y vì sau khi nhờ anh mua hộ thửa đất, ông P không làm được thủ tục sang tên do bà Đ nói rằng bà bán thửa đất này cho chị Y. Năm 2015 ông P yêu cầu anh trả lại cho ông số tiền là 110.000.000 đồng (ông tính tiền mua đất và các cây cối lâm lộc trên đất). Do vậy anh xác định coi như anh đã mua lại thửa đất này của ông P nên đó là tài sản riêng của anh. Nay

chị Y đề nghị chia tài sản chung anh không nhất trí, vì khi ly hôn, anh và chị Y đã lập biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ, tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2018, anh có đề nghị chia tài sản chung là nhà, đất, tiền mặt, công nợ và một số tài sản khác. Nhưng sau khi hòa giải này anh không yêu cầu chia tài sản chung và công nợ nữa, anh đề nghị giữ nguyên như biên bản tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ giữa anh và chị Y. Nay chị Y đề nghị chia tài sản chung anh không nhất trí.

Với nội dung trên, tại bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã căn cứ Điều 57, Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Giao cho chị Nguyễn Thị Y sử dụng thửa đất số 27, tờ bản đồ 03 diện tích 3.554,5m^2 (gồm 400m^2 đất ở và 3.154m^2 đất vườn) mang tên Hoàng Thị Đ tại thôn X, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang trị giá 137.830.000 đồng và một phần diện tích đất vườn thửa đất số 26, tờ bản đồ 03 mang tên Nguyễn Văn T tại thôn X, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang cùng toàn bộ cấy cối lâm lộc, công trình trên đất. Đất có các cạnh phía Bắc giáp thửa đất gia đình bà Phạm Thị Ng dài 20,99m; phía Đông giáp phần đất giao cho anh T dài 81,3m; phía Nam giáp đường QL279 dài 19,45m; phía Tây giáp thửa số thửa đất số 27, tờ bản đồ 03 dài 68,11m. Tổng diện tích 1.024,5m^2 trên phần đất có ngôi nhà cấp 4 đã cũ (có sơ đồ hiện trạng thể hiện ký hiệu ABCD). Tổng trị giá trị là 180.506.572 đồng.

Giao cho anh T sử dụng một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ 03, (gồm 400m^2 đất ở và đất vườn) mang tên Nguyễn Văn T tại thôn X, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang cùng toàn bộ cấy cối lâm lộc, công trình trên đất. Đất có các cạnh phía Bắc giáp thửa đất gia đình ông Tạ Văn M có nhiều đoạn hình thước thợ dài 61,64m; phía Đông giáp thửa đất gia đình ông Tạ Văn M có nhiều đoạn dài 93,9m; phía Nam giáp QL279 có nhiều đoạn dài 52,54m (có sơ đồ kèm theo). Tổng diện tích là 3.915,7m^2 = 176.023.428 đồng.

Buộc anh T phải thanh toán cho chị Y 2.050.000 đồng tiền chi phí cho việc định giá, thẩm định tài sản.

Bản án còn giải quyết án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/12/2018 anh T kháng cáo đề nghị được sử dụng toàn bộ thửa đất là tài sản chung của vợ chồng và làm việc với Cơ quan điều tra Công an huyện Q đối với thửa đất nhận chuyển nhượng từ bà Đ. Lý do: Khi ly hôn giữa anh và chị Y có thỏa thuận để anh được sử dụng toàn bộ nhà đất và có trách nhiệm trả

nợ chung của vợ chồng và khi ly hôn tòa án đã không giải quyết; thửa đất còn lại là tài sản riêng của anh, anh mua hộ ông P thửa đất này, sau đó ông P không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh phải trả tiền cho ông P, hiện nay vụ việc đang được Công an huyện Q xem xét giải quyết.

Ngày 11/12/2018 chị Y kháng cáo đề nghị cho chị được hưởng toàn bộ tài sản là thửa đất nhận chuyển nhượng của bà Đ vì đây là tài sản riêng của chị và hưởng ½ thửa đất đứng tên anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do tòa án sơ thẩm có nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng và chưa xem xét toàn diện vụ án. Giao hồ sơ cho tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Kháng cáo của chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T được làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ được chấp nhận xem xét.

[2]. Về nội dung: Khi thụ lý, giải quyết vụ án, tòa án sơ thẩm đã không xem xét và giải quyết các vấn đề mâu thuẫn của vụ án, cụ thể:

Chưa làm rõ nội dung bà Đ chuyển nhượng thửa đất số 27 cho anh T hay cho chị Y, thời điểm chuyển nhượng? Như vậy mới có thể xác định đây là tài sản chung của vợ chồng hay là tài sản riêng như chị Y và anh T trình bày;

Chưa làm rõ thửa đất số 27 trước khi chuyển nhượng là tài sản riêng của bà Đ hay là tài sản chung; chưa xác định có ai quản lý sử dụng và có công duy trì tôn tạo tài sản hay không, nếu có thì những người này có yêu cầu gì không. Bởi lẽ hiện tại chị Y anh T chưa được bà Đ chuyển giao tài sản;

Chị Y cho rằng chị nhận chuyển nhượng thửa đất số 27 từ bà Đ và trả tiền thông qua Quỹ xóa đói giảm nghèo, như vậy cần làm rõ nội dung này để xác định chính xác ai là người trực tiếp giao dịch với bà Đ; mặt khác anh T cho rằng khi anh chị ly hôn thì có thỏa thuận anh được sử dụng toàn bộ tài sản và phải trả nợ. Như vậy cần làm rõ những nội dung này để phân chia tài sản một cách hợp lý dựa vào công sức đóng góp tạo lập tài sản;

Cần xác định rõ ông P có liên quan gì đến thửa đất số 27 hay không, khi chưa xác định được bà Đ hay ông P có quyền lợi gì đối với thửa đất này nhưng tòa án sơ thẩm đã xác định là tài sản chung của chị Y, anh T và chia tài sản là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba;

Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ hiện trạng đất bị thiếu diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên dẫn tới việc chia tài sản chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự.

Với những vi phạm trên thì tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có cơ sở, cần hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cho tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Khi giải quyết lại vụ án cần làm rõ các nội dung phân tích ở trên và xác định đầy đủ các đương sự trong vụ án có liên quan đến tài sản đang tranh chấp, làm rõ toàn bộ những vấn đề có liên quan mới có thể giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Như vậy kháng cáo của chị Y, anh T chưa được xem xét tại bản án này, các nội dung này sẽ được xem xét khi tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án.

[3] Án phí: Chị Y, anh T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hủy Bản án sơ thẩm số: 50/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết lại vụ án.

Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm, mỗi người được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0004946 ngày 11/12/2018 và AA/2016/0004942 ngày 09/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Quang Hùng